Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑ *; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐*)*

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Thủy lợi; Chuyên ngành: Kỹ thuật và quản lý tài nguyên nước

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Bùi Thị Kiên Trinh

2. Ngày tháng năm sinh: 23/04/1978; Nam ☐; Nữ ☑; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 1505 khối A, chung cư CT1-CT2, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Kỹ thuật tài nguyên nước, Trường đại học Thủy Lợi 175 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0942220990;

E-mail: bktrinh@tlu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 11,2002 đến tháng, năm 09,2011: Giảng viên tại Trường đại học Thủy Lợi

Từ tháng, năm 10,2011 đến tháng, năm 06,2016: Nghiên cứu sinh tại Đại học Vũ Hán

Từ tháng, năm 07,2016 đến tháng, năm 10,2020: Giảng viên tại Trường đại học Thủy Lợi

Từ tháng, năm 11,2020 đến tháng, năm 06,2023: Giảng viên chính tại Trường đại học Thủy Lợi

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên chính

Cơ quan công tác hiện nay: Trường đại học Thủy Lợi

Địa chỉ cơ quan: 175 phố Tây Sơn, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243.8522201
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có
8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...
Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có
9. Trình độ đào tạo:
- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 10 tháng 11 năm 2000, số văn bằng: C0256858, ngành: Trắc địa, chuyên ngành: Trắc địa ảnh
Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 31 tháng 12 năm 2008, số văn bằng: 000674, ngành: Kỹ thuật Trắc địa, chuyên ngành: Trắc địa công trình
Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường đại học Mỏ - Địa chất, Việt Nam
- Được cấp bằng TS [5] ngày 30 tháng 06 năm 2016, số văn bằng: 104869201601000003, ngành: Trắc địa và Kỹ thuật Khảo sát, chuyên ngành: Trắc địa cao cấp và Địa tin học
Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Đại học Vũ Hán, Trung Quốc
- Được cấp bằng TSKH [6] ngày 30 tháng 06 năm 2017, số văn bằng: 1048622017100969, ngành: Trắc địa cao cấp và Trắc địa công trình, chuyên ngành: Trắc địa cao cấp và Địa tin học
Nơi cấp bằng TSKH [6] (trường, nước): Đại học Vũ Hán, Trung Quốc
10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...
11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Thuỷ lợi
12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Thủy lợi
13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Công nghệ, kỹ thuật, phương pháp khảo sát, quan trắc công trình xây dựng nói chung và công trình thuỷ lợi, thuỷ điện nói riêng [1-6, 17, 25, 27].

- Ứng dụng kỹ thuật Viễn thám và Hệ thông tin địa lý trong các lĩnh vực quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước và quản lý thiên tai như hạn hán [23], xói mòn đất [24], trượt lở đất [28, 29, 31], lũ lụt, nước biển dâng [7-11, 15, 16], biến động đường bờ biển [21], quan trắc chất lượng không khí [20], thích ứng cây trồng với đất [34].

- Các phương pháp xử lý, phân tích số liệu, xây dựng mô hình dự báo [12-14, 18, 19, 22, 26, 30, 32, 33, 35].

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:
- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Nhà nước;
- Đã công bố (số lượng) 35 bài báo khoa học, trong đó 9 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Công tác đào tạo: Đã có thâm niên 16 năm 8 tháng làm công việc đào tạo tại Trường đại học Thủy Lợi ở hầu hết các hệ và các trình độ đào tạo của nhà trường với nhiều môn học và luôn hoàn thành nhiệm vụ ở mức tốt trở lên, cụ thể như sau:

+ Các môn học ở trình độ Đại học: Trắc địa, Thực tập Trắc địa, Xây dựng lưới Trắc địa, Đồ án Xây dựng lưới Trắc địa, Định vị vệ tinh, Thực tập định vị vệ tinh, Trắc địa cao cấp đại cương, Thực tập Trắc địa cao cấp, Quan trắc biến dạng công trình, Ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý và Viễn thám, Áp dụng kỹ thuật GIS và GPS (chương trình tiên tiến), Đồ hoạ và tính toán kỹ thuật (chương trình tiên tiến).

+ Môn học ở trình độ Cao học và Nghiên cứu sinh: Viễn thám và GIS ứng dụng.

Công tác biên soạn sách, hướng dẫn tốt nghiệp:

+ Tham gia biên soạn 01 tài liệu hướng dẫn thực hành cho hệ Đại học và Cao học.

+ Tham gia xây dựng đề cương các môn học ở bậc đại học và bậc cao học nêu trên.

+ Hướng dẫn sinh viên ngành Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ nghiên cứu khoa học, làm Đồ án tốt nghiệp và hướng dẫn học viên cao học ngành Kỹ thuật Tài nguyên nước.

+ Hướng dẫn sinh viên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước, Chương trình tiên tiến làm đồ án tốt nghiệp.

+ Tham gia hội đồng đánh giá đề cương Nghiên cứu sinh, hội đồng đánh giá sinh viên nghiên cứu khoa học, hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp của trường.

Công tác nghiên cứu khoa học:

+ Chủ trì 01 đề tài NCKH cấp Quốc gia, tham gia nhiều đề tài NCKH cấp Quốc gia, đề tài Nghị định thư, đề tài cấp Bộ khác ở trong và ngoài trường.

+ Công bố nhiều bài báo khoa học trên các tạp chí có uy tín trong nước và quốc tế.

+ Tham gia báo cáo tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế, công bố các báo cáo khoa học trên kỷ yếu hội nghị.

+ Tham gia phản biện bản thảo cho các bài báo khoa học trong nước và quốc tế; tham gia nhận xét Luận án Tiến sĩ trong và ngoài trường.

+ Tham gia hội đồng thẩm định giáo trình, hội đồng nghiệm thu đề tài KHCN ở các cơ sở đào tạo khác.

Về đạo đức, tác phong, lối sống:

+ Gương mẫu, nghiêm chỉnh tuân thủ Pháp luật, Điều lệ Đảng và các quy định của Nhà trường.

+ Có phẩm chất đạo đức tốt, luôn có ý thức giữ gìn phẩm chất, uy tín và danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách, công bằng và bảo vệ quyền lợi, lợi ích chính đáng của người học.

+ Thường xuyên rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tích cực quảng bá thương hiệu trường đại học Thủy Lợi với các thí sinh, phụ huynh và xã hội.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:
- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 8 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	**Phụ**			**ĐH**	**SĐH**	
1	2017-2018			2	5	378.75	15	393.75/461.13/270
2	2018-2019				8	264	30	294/396.37/270
3	2019-2020				6	208	30	238/324/270
03 năm học cuối								
4	2020-2021				3	299	30	329/403.36/298
5	2021-2022				1	189		189/329/280
6	2022-2023					309	30	339/547.8/280

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Trung Quốc năm 2016

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☑:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường đại học Thủy Lợi

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Sengpasert Khamsing		X	X		12/2017 đến 09/2018	Trường đại học Thủy Lợi	30/10/2018
2	Sihaphon Phosaly		X	X		12/2017 đến 09/2018	Trường đại học Thủy Lợi	30/10/2018

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Tài liệu hướng dẫn thực hành Viễn thám – Hệ thống thông tin địa lý	HD	Khoa học tự nhiên và Công nghệ, năm 2010	2	VC	(Toàn bộ Phần I (trang 4 – 11) và Phần II (trang 12 – 52))	23

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Nghiên cứu phát triển công cụ đánh giá, dự báo chuyển dịch công trình đập thuỷ điện áp dụng các mô hình trí thông minh nhân tạo phục vụ quản lý an toàn đập tại Việt Nam	CN	105.08-2018.06, cấp Nhà nước	09/11/2018 đến 05/12/2022	28/03/2023 Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Khảo sát phương pháp xác lập hệ toạ độ cho các mạng lưới thi công công trình thuỷ điện	2	Có	Tạp chí KHKT Thủy lợi & Môi trường (ISSN: 1859-3941)			21, 26-30	06/2008

2	Khảo sát ảnh hưởng của đồ hình đến độ chính xác vị trí điểm trong xây dựng lưới GPS cạnh ngắn	2	Có	Tạp chí KHKT Thủy lợi & Môi trường (ISSN: 1859-3941)			21, 31-35	06/2008
3	Nghiên cứu sử dụng phương pháp trắc địa và địa kỹ thuật trong quan trắc chuyển dịch ngang	2	Có	Hội nghị khoa học thường niên trường đại học Thủy Lợi			2009 114-119	11/2009
4	Bàn về vấn đề thời gian thu tín hiệu GPS trong xây dựng mạng lưới khống chế trắc địa cạnh ngắn	3	Không	Tạp chí KHCN Xây dựng (ISSN: 1859-1566)			153, 62-68	12/2010
5	Nguyên lý hoạt động và phân tích các nguồn sai số trong kỹ thuật đo cao vệ tinh	2	Có	Tạp chí KHKT Thủy lợi & Môi trường, ISSN: 1859-3941			30, 95-99	09/2010
6	Ứng dụng toán thống kê để đánh giá độ ổn định mốc cơ sở đo lún công trình từ kết quả đo nhiều chu kỳ	2	Có	Tạp chí KHKT Thủy lợi & Môi trường (ISSN: 1859-3941)			31, 101-106	12/2010
7	Sử dụng số liệu đo cao vệ tinh TOPEX/POSEIDON và JASON-1 khảo sát sự thay đổi của mực nước biển	3	Không	HNKH thường niên trường đại học Thủy Lợi, ISBN: 978-604-82-0066-4			2013, 131-134	11/2013
8	Xu thế thay đổi mực nước biển trung bình tháng dọc ven bờ	3	Có	Tạp chí KHKT Thủy lợi & Môi			43, 137-142	12/2013

	Việt Nam có hiệu chỉnh ảnh hưởng của áp suất khí quyển và đàn hồi vỏ trái đất sau Kỷ Băng hà			trường (ISSN: 1859-3941)				
9	The Tidal Types and Extreme Astronomical Tidal Levels along the Coast of Vietnam - 越南沿海潮汐类型分布及极值天文潮位	3	Không	Bulletin of Surveying and Mapping - 测绘通报, ISSN: 0494-0911			2-2014, 59-62	02/2014
10	Estimates of the Extremal Sea Level Heights of Multi-year Return Periods along the Coast of Vietnam - 越南沿海多年一遇**极**值水位计算	3	Không	Bulletin of Surveying and Mapping - 测绘通报, ISSN: 0494-0911			5-2014, 41-44	05/2014
11	Analysis on Sea Level Variability Along the Coast of Haiphong Vietnam - .越南海防市近岸海洋水位变化特征分析	3	Không	Geomatics and Information Science of Wuhan University - 武汉大学学报（信息科学版, ISSN: 1000-050X)	Có - Scopus *IF: 2.012*	12	40, 552-557	04/2015
12	A Comparative Asessment of Multi-layer Peceptron Neural Networks and M5-Rules Algorithm for	6	Không	GMMT 2016 - International Symposium on Geo-spatial and Mobile Mapping Technologies and			2016 70-74	05/2016

	Modeling and Forecasting of Horizontal Displacement of the Hoa Binh Hydropower Dam (Vietnam)			Summer School for Mobile Mapping Technology, ISBN: 978-604-93-8868-2				
13	Research on Deformation Analysis of Hydropower Dam in Vietnam 越南水电站大坝变形分析研究	4	Có	Journal of Geomatics - 测绘地理信息, ISSN: 2095-6045	Có - Scopus *IF: 0.92*		41, 3, 45-47	06/2016
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
14	A novel hybrid artificial intelligent approach based on neural fuzzy inference model and particle swarm optimization for horizontal displacement modeling of hydropower dam	5	Không	Neural Computing and Applications, ISSN: 0941-0643	Có - SCIE *IF: 5.13, Q2*	83	29, 1495-1506	11/2016
15	Phân tích tính ổn định kết quả tính toán mặt quy chiếu độ sâu hải đồ	2	Có	HNKH thường niên TLU, ISBN: 978-604-82-1980-2			2016, 141-143	11/2016
16	Tính toán mặt quy chiếu độ sâu tại trạm nghiệm triều Hòn Dáu có xét đến ảnh	2	Không	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật - Học viện Kỹ thuật Quân sự, ISSN: 1859-0209			182, 192-202	02/2017

	hưởng của các phân triều nước nông							
17	Sử dụng GPS đa ăng ten trong quan trắc chuyển dịch ngang đập Manwan - Trung Quốc	3	Có	HNKH thường niên TLU, ISBN: 978-604-82-2274-1			2017, 78-80	11/2017
18	Chapter 15 - Hybrid Intelligent Model Based on Least Squares Support Vector Regression and Artificial Bee Colony Optimization for Time-Series Modeling and Forecasting Horizontal Displacement of Hydropower Dam	6	Không	Handbook of Neural Computation, Academic Press, ISBN: 978-0-12-811318-9	- Scopus		279-293	07/2017
19	Dam deformation analysis based on BPNN merging models	4	Có	Geo-spatial Information Science, ISSN: 1009-5020, 1993-5153	Có - SCIE *IF: 4.278, Q2*	4	21, 2, 149-157	11/2017
20	Ứng dụng GIS xây dựng website chất lượng không khí khu vực Hà Nội	2	Có	HNKH thường niên TLU, ISBN: 978-604-82-2548-3			2018 211-213	11/2018
21	Phân tích biến động của đường bờ biển Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà ứng dụng công nghệ viễn	2	Có	Tạp chí KHKT Thủy lợi & Môi trường (ISSN: 1859-3941)			63, 120-127	12/2018

	thám và hệ thông tin địa lý							
22	A novel artificial intelligence approach based on Multi-layer Perceptron Neural Network and Biogeography-based Optimization for predicting coefficient of consolidation of soil	6	Không	Catena, ISSN: 0341-8162	Có - SCIE *IF: 6.367, Q2*	128	173, 302-311	02/2019
23	Ứng dụng GIS và ảnh viễn thám trong giám sát và cảnh báo hạn hán	3	Có	HNKH thường niên TLU, ISBN: 978-604-82-2981-8			2019, 326-328	11/2019
24	Xây dựng kịch bản xói mòn đất do mưa bằng GIS và tư liệu viễn thám	3	Có	HNKH thường niên TLU, ISBN: 978-604-82-2981-8			2019, 332-334	11/2019
25	Đánh giá khả năng ứng dụng hệ thống định vị toàn cầu Bắc Đẩu trong xây dựng lưới khống chế trắc địa	3	Không	Tạp chí Khoa học và Kỹ thuật - Học viện Kỹ thuật Quân sự, ISSN: 1859-0209			3, 107-117	12/2019
26	Development of advanced artificial intelligence models for daily rainfall prediction	7	Không	Atmospheric Research, ISSN: 0169-8095	Có - SCIE *IF: 5.965, Q2*		237, N.104845	07/2020
27	Thành lập mô hình 3D từ dữ liệu ảnh chụp UAV và ảnh quét TLS	2	Có	HNKH thường niên TLU, ISBN: 978-604-82-3869-8			2020, 457-459	11/2020

28	Developing a Landslide Susceptibility Map Using the Analytic Hierarchical Process in Ta Van and Hau Thao Communes, Sapa, Vietnam	6	Không	Journal of Disaster Research, ISSN: 1881-2473, 1883-8030)	Có - ESCI *IF: 0.84, Q3*		16, 4, 529-538	07/2021
29	Landslide Susceptibility Mapping for the Thao River Catchment with High Spatial Resolution Rainfall Data	8	Có	Proceedings of the 3rd International Conference on Sustainability in Civil Engineering, ISBN: 978-981-16-0053-1	- Scopus	2	97-103	04/2021
30	Ứng dụng mô hình thống kê và mạng nơ-ron lan truyền ngược trong phân tích dự báo chuyển dịch đập thủy điện	6	Có	Các Khoa học Trái đất và Môi trường, ISSN: 2588-1094			37, 1, 44-51	03/2021
31	Phân tích nguy cơ trượt lở đất ở lưu vực sông Thao theo một số tác nhân chính	6	Không	Tạp chí Địa kỹ thuật ISSN: 0868 – 279X			2-2021, 72-80	06/2021
32	Deformation forecasting of a hydropower dam by hybridizing a long short-term memory deep learning network with the coronavirus	6	Có	Computer-Aided Civil and Infrastructure Engineering, ISSN: 1467-8667	Có - SCI *IF: 10.066, Q1*		37, 11, 1368-1386	09/2022

	optimization algorithm							
33	An Assessment of Some Algorithms for Modeling and Forecasting Horizontal Displacement of Ialy Dam, Vietnam	2	Có	GTER 2022: Advances in Research on Water Resources and Environmental Systems, ISSN: 1863-5520/1863-5539, ISBN: 978-3-031-17808-5	- Scopus		51-64	01/2023
34	GIS Applications in Land Adaptability Mapping for Perennial Industrial Crops in Nghe An Province, Vietnam	4	Có	GTER 2022: Advances in Geospatial Technology in Mining and Earth Sciences, ISSN: 1863-5520/1863-5539, ISBN: 978-3-031-20463-0	- Scopus		383-403	02/2023
35	Application of Interval Type-2 Fuzzy Logic System and Ant Colony Optimization for Hydropower Dams Displacement Forecasting	3	Có	International Journal of Fuzzy Systems, ISSN: 2199-3211	Có - SCIE *IF: 4.085, Q2*			02/2023

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 3 ([19] [32] [35])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2023

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)